

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trú	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Bà Ngô Thùy Linh	Ủy viên
Bà Dương Thị Thu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Giám đốc
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Phạm Minh Trú	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Trần Đức Y

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2017

Số: 180 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Lê Thị Hương Lan

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.539.191.227	156.730.180.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.743.338.673	12.037.990.198
1 Tiền	111	V.01	11.743.338.673	12.037.990.198
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.081.914.026	49.484.816.930
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	77.384.667.181	56.677.010.853
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	714.588.621	105.590.972
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	988.655.064	351.184.758
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.005.996.840)	(7.648.969.653)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	70.608.387.913	93.937.226.591
1 Hàng tồn kho	141		70.608.387.913	94.731.667.069
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(794.440.478)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.105.550.615	1.270.146.613
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.720.074.358	884.670.356
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	385.476.257	385.476.257
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.618.777.150	20.937.750.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.550.957.393	13.950.245.007
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	30.550.957.393	13.950.245.007
- Nguyên giá	222		52.335.246.742	33.106.636.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.784.289.349)	(19.156.391.654)
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	6.012.000.000	6.012.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.652.000.000	5.652.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		360.000.000	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.055.819.757	975.505.390
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.055.819.757	975.505.390
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		192.157.968.377	177.667.930.729

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	Đơn vị tính: VND 01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		117.097.293.529	133.246.806.829
I. Nợ ngắn hạn		310		117.097.293.529	133.246.806.829
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	56.280.387.271	32.690.897.686
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	47.155.983.189	81.709.821.920
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.247.925.909	1.612.896.406
4	Phải trả người lao động	314		3.636.321.828	3.626.044.173
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57.413.507	291.908.427
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.294.112.427	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.402.004.888	4.629.679.087
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	-	6.600.000.000
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.023.144.510	2.085.559.130
II. Nợ dài hạn		330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		75.060.674.848	44.421.123.900
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.17	75.060.674.848	44.421.123.900
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	20.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	20.000.000.000
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		14.606.628.702	11.606.628.702
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.262.536.328	9.622.985.380
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		116.264.514	202.144.648
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.146.271.814	9.420.840.732
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		192.157.968.377	177.667.930.729

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Hà

Giám đốc



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	298.795.886.630	193.657.117.974
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		298.795.886.630	193.657.117.974
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	277.099.138.684	178.862.656.629
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		21.696.747.946	14.794.461.345
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.159.393.810	5.535.464.388
7 Chi phí tài chính	22	VI.04	14.620.500	360.994.007
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	360.994.007
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.819.418.793	1.967.458.240
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.159.581.280	6.324.532.603
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		14.862.521.183	11.676.940.883
11 Thu nhập khác	31	VI.5	396.545.904	62.500.476
12 Chi phí khác	32	VI.6	237.827.082	49.712.282
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		158.718.822	12.788.194
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		15.021.240.005	11.689.729.077
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.874.968.191	2.268.888.345
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.146.271.814	9.420.840.732
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.699,17	4.710,42

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.021.240.005	11.689.729.077
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		3.295.189.431	2.192.814.454
- Các khoản dự phòng	03		562.586.709	1.924.125.866
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.769.852)	(72.711.187)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.449.993.114)	(5.462.753.201)
- Chi phí lãi vay	06		-	360.994.007
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.423.253.179	10.632.199.016
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.789.528.285)	(6.920.225.305)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.123.279.156	(9.995.828.931)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(16.285.249.055)	22.737.192.728
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(80.314.367)	(115.598.870)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(360.994.007)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.393.565.791)	(2.620.866.869)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(739.960.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.125.163)	12.615.917.141
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(16.093.356.485)	(5.838.498.637)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	11.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	6.503.700.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.449.993.114	1.553.053.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.643.363.371)	2.218.254.564
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		25.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		420.000.000	7.110.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.020.000.000)	(10.091.096.217)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.054.932.843)	(3.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.345.067.157	(6.299.496.217)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(300.421.377)	8.534.675.488
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.037.990.198	3.430.603.523
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		5.769.852	72.711.187
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	11.743.338.673	12.037.990.198

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên



Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp & dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí;
- San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi; Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên kết:

- + Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5

Địa chỉ: Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 36%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 36%

+ Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Địa chỉ: Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 36%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 36%

+ Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung

Địa chỉ: Đường Cách mạng tháng Tám, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 45%

Danh sách các đơn vị trực thuộc:

+ Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng

Địa chỉ: Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty liên kết do các đơn vị hiện đang kinh doanh có lãi.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do các đơn vị này đang kinh doanh có lãi.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc thiết bị	07 - 10
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí thảm bê tông đường nội bộ, chi phí sửa chữa nhà VP làm việc, chi phí sửa chữa nhà bảo vệ và phí dịch vụ hosting được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản chi phí cước điện thoại phải trả và phí kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước của các hợp đồng khách hàng tạm ứng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2016 chưa hoàn thành việc giao hàng và chưa có biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp, sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông và Quyết định chia cổ tức từ các công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty có vốn góp, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu từ bán thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê nhà và các khoản thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, hợp đồng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế giá trị gia tăng***

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công và hoạt động xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp**1. Tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt (VND)	920.926.113	252.312.716
Văn phòng Công ty	138.718.842	224.654.775
Nhà máy	782.207.271	27.657.941
Tiền gửi ngân hàng	10.822.412.560	11.785.677.482
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Tiền VND	1.223.606.735	7.952.267.673
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông HN	1.204.357.546	7.929.075.557
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	-	6
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	18.127.919	20.961.259
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN Đông Anh	14.500	14.500
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Cạn Thái Nguyên	1.106.770	1.101.256
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	1.115.095
Tiền USD	1.133.673.653	2.192.144.618
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông HN	1.133.673.653	2.192.144.618
<i>Nhà máy</i>		
Tiền VND	8.462.614.581	1.638.499.275
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Cạn Thái Nguyên	1.106.770	1.101.256
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	3.030	3.030
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông HN	8.456.800.252	1.637.394.989
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông HN (TK mua cổ phần)	4.704.529	-
Tiền USD	2.442.838	2.691.163
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội	2.442.838	2.691.163
Tiền EUR	74.753	74.753
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội	74.753	74.753
Cộng	11.743.338.673	12.037.990.198

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016			
	VND		VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.652.000.000	-	5.652.000.000	5.652.000.000	-	5.652.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000	-	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000	-	2.232.000.000
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	1.440.000.000	-	1.440.000.000	1.440.000.000	-	1.440.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Cộng	6.012.000.000	-	6.012.000.000	6.012.000.000	-	6.012.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty DELTA	6.473.330.344	(1.181.529.913)	22.817.772.622	-
Công ty Cơ khí Hà Nội	8.114.027.958		3.164.680.131	(691.213.821)
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	1.220.862.594	(714.603.816)	1.420.862.594	(610.431.298)
Viện Nghiên cứu cơ khí	171.189.300	(171.189.300)	171.189.300	(171.189.300)
Công ty CARAT	2.546.494.078	-	-	-
Công ty TNHH VOTTO Phú Lộc	20.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	(1.533.779.121)	1.533.779.121	(1.533.779.121)
Công ty CP Khai thác khoáng sản Đức Phát	3.631.517.734	(543.461.400)	-	-
Công ty CP Đầu tư bất động sản LANMAK	1.088.783.373	-	-	-
Công ty CP Máy Nam Định	7.036.329.362	-	-	-
Công ty CP Đầu tư tài chính & Bất động sản VIỆT	1.035.018.605	-	-	-
Các đối tượng khác	6.333.432.061	(1.781.110.648)	7.472.733.644	(1.405.898.778)
<i>Nhà máy</i>				
Công ty Collab Việt Nam	3.912.044.152	-	4.312.120.000	-
Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 18.1	2.380.829.378	-	2.463.265.948	-
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt nam	1.916.073.225	(356.406.305)	1.916.073.225	(702.039.537)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	83.497.608	(58.448.326)	83.497.608	(58.448.326)
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	1.456.285.236	-	-	-
Công ty CP TTC	1.215.000.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế & Xây dựng Vinaincon	876.513.200	-	-	-
Các đối tượng khác	6.359.659.852	(2.665.468.011)	11.321.036.660	(2.475.969.472)
Cộng	77.384.667.181	(9.005.996.840)	56.677.010.853	(7.648.969.653)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty CP Chứng khoán FPT	5.500.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	25.000.000
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất công nghiệp	35.414.621	35.414.621
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH MTV Bôi Dung	73.674.000	-
Công ty CP Tự động hóa Sơn Vũ	600.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp Nguyên Bình	-	10.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại & Sản xuất Thành Đạt	-	20.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Trang Hoàng	-	15.000.000
Bưu điện Đông Anh	-	176.351
Cộng	714.588.621	105.590.972

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**5. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Phải thu khác	839.871.849	-	121.222.918	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	45.000.000	-	45.000.000	-
Công ty TNHH VITTO Phú Lộc	712.602.740	-	-	-
Nguyễn Xuân Tranh	26.150.000	-	26.150.000	-
Các khoản phải thu khác	56.119.109	-	50.072.918	-
<i>Nhà máy</i>	148.783.215	-	229.961.840	-
Phải thu khác	68.554.415	-	118.015.270	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	27.652.088	-	102.360.607	-
Các khoản phải thu khác	40.902.327	-	15.654.663	-
Tạm ứng	80.228.800	-	111.946.570	-
Lê Văn Nhuận	28.850.000	-	-	-
Lê Quang Nam	10.140.000	-	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Nguyễn Thị Phương	13.069.000	-	-	-
Phạm Minh Trúc	10.000.000	-	-	-
Nguyễn Huy Hải	7.380.910	-	40.004.420	-
Các đối tượng khác	10.788.890	-	71.942.150	-
Cộng	988.655.064	-	351.184.758	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty Đức Phát	3.631.517.734	3.088.056.334	3.164.680.131	2.473.466.310
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	1.220.862.594	506.258.778	1.420.862.594	810.431.296
Công ty CP Công trình 207	115.000.000	80.500.000	1.167.077.027	1.167.077.027
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	-	1.533.779.121	-
Công ty DELTA	6.473.330.344	5.291.800.431	-	-
Các đối tượng khác	2.253.095.332	515.790.503	1.471.671.593	75.078.634
<i>Nhà máy</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt nam	1.916.073.225	1.559.666.920	1.916.073.225	1.214.033.688
Công ty CP Đầu tư Phát triển Châu Á	414.867.067	300.000.000	414.867.067	300.000.000
Công ty CP Xây dựng số 11	400.000.000	-	630.000.000	50.000.000
Công ty HASCO	450.537.956	225.268.978	-	-
Công ty TNHH Long Hải	425.011.000	232.505.500	520.011.000	364.007.700
Công ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	364.410.947	-	364.410.947	-
Các đối tượng khác	1.651.913.127	225.049.282	1.688.816.836	369.680.352
Cộng	21.350.398.447	12.344.401.607	14.792.249.541	7.143.279.888

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***7. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.842.299.529	-	3.464.594.406	(794.440.478)
Công cụ, dụng cụ	95.039.361	-	197.311.954	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.671.049.023	-	91.069.760.709	-
Cộng	70.608.387.913	-	94.731.667.069	(794.440.478)

*Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 794.440.478 VND.***8. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	491.317.240	455.902.735
Thảm bê tông đường nội bộ	243.252.292	-
Chi phí sửa chữa nhà VP làm việc	243.460.172	459.540.323
Chi phí sửa chữa nhà bảo vệ	29.918.750	53.906.332
Phí bảo hiểm xe ô tô S400	43.659.303	-
Phí dịch vụ hosting	4.212.000	6.156.000
Cộng	1.055.819.757	975.505.390

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2016	8.587.503.705	21.894.219.138	2.403.896.091	221.017.727
Mua trong năm	5.868.389.475	9.931.340.606	4.137.280.000	33.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(741.400.000)	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	13.714.493.180	31.825.559.744	6.541.176.091	254.017.727
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2016	5.413.501.342	12.081.512.787	1.528.717.531	132.659.994
Khấu hao trong năm	342.881.579	2.493.671.622	417.389.744	41.246.486
Thanh lý, nhượng bán	(667.291.736)	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	5.089.091.185	14.575.184.409	1.946.107.275	173.906.480
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	3.174.002.363	9.812.706.351	875.178.560	88.357.733
Tại ngày 31/12/2016	8.625.401.995	17.250.375.335	4.595.068.816	80.111.247

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.144.587.387 VND;

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để đảm bảo các khoản vay có giá trị: 0 VND.

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Vay và nợ thuế tài chính

Vay và nợ thuê tài chính	Trong năm				Đơn vị tính: VND
	31/12/2016		01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
				Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn					
Vay cá nhân (*)	-	-	420.000.000	7.020.000.000	6.600.000.000
Lưu Văn Đông	-	-	420.000.000	2.420.000.000	2.000.000.000
Trần Văn Đoàn	-	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Trần Đức Y	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	-	-	420.000.000	7.020.000.000	6.600.000.000

(*): Các khoản vay vốn tạm tạm thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất: 0%. Các khoản vay của Công ty đều đã được tất toán tại 31/12/2016.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	5.679.937.700	5.679.937.700	5.679.937.700	5.679.937.700
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	1.416.460.850	1.416.460.850	349.280.404	349.280.404
<i>Nhà máy</i>				
Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	8.560.821.520	8.560.821.520	1.285.256.769	1.285.256.769
Công ty CP Kinh doanh thép hình	1.904.317.190	1.904.317.190	712.484.058	712.484.058
Công ty CP Tư vấn đầu tư & Xây dựng Eva	6.560.894.211	6.560.894.211	-	-
Công ty CP Công nghiệp WELDCOM	1.683.657.800	1.683.657.800	-	-
Công ty TNHH Thép Nhật Quang	1.316.527.949	1.316.527.949	457.205.892	457.205.892
Công ty TNHH Ngọc Dân	1.523.079.250	1.523.079.250	1.161.834.882	1.161.834.882
Công ty CP Thương mại hàng hóa Quốc tế IPC	2.159.242.397	2.159.242.397	-	-
Các đối tượng khác	12.967.308.150	12.967.308.150	10.536.757.727	10.536.757.727
Cộng	56.280.387.271	56.280.387.271	32.690.897.686	32.690.897.686

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty An Thịnh Quảng Nam	-	5.512.998.396
Công ty Lập Thành Hưng Yên	-	2.200.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính và Bất động sản Việt	-	2.496.019.748
Công ty Carat	-	948.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty Châu Minh Phát	1.066.232.130	-
Công ty VITTO Phú Lộc	-	19.375.000.000
Công ty TNHH HANCO VINA	3.534.400.000	-
Các đối tượng khác	387.690.560	2.937.260.266
Nhà máy		
Công ty Lan Anh	-	1.062.363.446
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	315.973.834	-
Công ty CP May II Hưng Yên	1.200.000.000	-
Công ty Long Lựu	11.781.001.250	-
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát	15.138.000.000	15.138.000.000
Công ty CP Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	2.000.000.000	-
Công ty CP Kho vận VIETFRACHT Hưng Yên	-	1.187.626.000
Công ty CP Nhà thép SBC	8.951.930.285	-
Công ty COLLAB Việt Nam	1.225.171.200	1.180.878.479
Công ty CP CTECH CTI	-	4.050.462.154
Công ty Phú Hưng	-	1.050.000.000
Công ty CP TTC	-	21.500.000.000
Các đối tượng khác	1.555.583.930	3.071.213.431
Cộng	47.155.983.189	81.709.821.920

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	854.440.705	5.845.724.223	6.700.164.928	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	743.565.791	2.874.968.191	2.393.565.791	1.224.968.191
Thuế thu nhập cá nhân	14.889.910	236.706.992	228.639.184	22.957.718
Tiền thuê đất	-	1.142.644.977	1.142.644.977	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.792.555	37.792.555	-
Cộng	1.612.896.406	10.137.836.938	10.502.807.435	1.247.925.909
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	385.476.257	-	-	385.476.257
Cộng	385.476.257	-	-	385.476.257

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Chi phí thuê ngoài công trình Constrexim	-	137.027.500
Phí kiểm toán	54.545.455	45.454.545
Chi phí phải trả khác	-	2.080.000
<i>Nhà máy</i>		
Chi phí trích trước tiền ăn ca	-	105.164.000
Chi phí phải trả khác	2.868.052	2.182.382
Cộng	57.413.507	291.908.427

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công ty DELTA	54.930.608	-
Công ty CP Xây dựng & Quản lý dự án HI-END	330.090.910	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng & Bất động sản LANMAK	909.090.909	-
Cộng	1.294.112.427	-

16. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	350.846.395	350.846.395
Cổ tức phải trả các cổ đông	-	76.531.319
Kinh phí công đoàn	21.776.026	19.041.426
Các khoản phải trả khác	410.346.201	423.823.724
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH Đa Quốc	680.807.999	674.614.999
Kinh phí công đoàn	355.482.692	313.149.261
Công ty KK Hưng Thịnh Phát	1.879.486.328	695.834.008
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	278.760.083	212.137.583
Các đối tượng khác	874.499.164	1.313.700.372
Cộng	5.402.004.888	4.629.679.087

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	20.000.000.000	3.191.509.818	5.847.770.498	29.039.280.316
Lãi trong năm trước	-	-	9.420.840.732	9.420.840.732
Tăng khác	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(1.145.625.850)	(1.145.625.850)
Số dư ngày 31/12/2015	20.000.000.000	3.191.509.818	9.622.985.380	32.814.495.198
Tăng vốn trong năm nay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	12.146.271.814	12.146.271.814
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(2.622.985.380)	(2.622.985.380)
Tăng khác (*)	-	-	116.264.514	116.264.514
Số dư ngày 31/12/2016	45.000.000.000	3.191.509.818	12.262.536.328	60.454.046.146

(*) Tăng khác: là khoản điều chỉnh tăng theo Biên bản quyết toán thuế năm 2015.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	9.600.000.000
Cộng	45.000.000.000	20.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	45.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	25.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000.000.000	3.400.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

17.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	11.606.628.702	3.000.000.000	-	14.606.628.702
Cộng	11.606.628.702	3.000.000.000	-	14.606.628.702

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2016	01/01/2016
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền EUR	2,74	2,74
Tiền USD	50.423,82	97.782,22

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	298.795.886.630	193.657.117.974
Cộng	298.795.886.630	193.657.117.974

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Cộng	298.795.886.630	193.657.117.974
b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.		
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	277.099.138.684	178.862.656.629
Cộng	277.099.138.684	178.862.656.629
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	496.978.978	142.433.201
Thu cổ tức	936.000.000	1.410.620.000
Thu chuyển nhượng vốn góp	-	3.909.700.000
Thu lãi bán hàng trả chậm	712.602.740	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.042.240	72.711.187
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	5.769.852	-
Cộng	2.159.393.810	5.535.464.388
4. Chi phí tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	360.994.007
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.620.500	-
Cộng	14.620.500	360.994.007
5. Thu nhập khác		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ	17.014.136	-
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	26.454.273	27.500.000
Chi phí trích trước công trình Constrexim	137.027.500	-
Thu lãi mua hàng trả chậm Công ty Lan Giang	-	35.000.000
Thu nhập khác	216.049.995	476
Cộng	396.545.904	62.500.476

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	19.141.644
Giảm giá trị quyết toán công trình DELTA	27.989.642	-
Phí trọng tài thu nợ Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	43.417.252	-
Tiền phạt theo Biên bản thanh tra thuế năm 2015	11.262.240	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	20.007.584	-
Phí nhận tiền bán hàng Công trình LICOGI 18.1	1.100.000	329.027
Chi phí khác	134.050.364	30.241.611
Cộng	237.827.082	49.712.282

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	7.159.581.280	6.324.532.603
Chi phí nhân viên quản lý	1.892.836.406	1.496.052.235
Chi phí vật liệu quản lý	707.233.091	631.931.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.478.619	160.735.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	473.151.541	225.746.621
Thuế, phí và lệ phí	1.234.318.511	1.177.658.817
Chi phí dự phòng	1.357.027.187	1.492.360.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	659.872.049	490.305.240
Chi phí bằng tiền khác	753.663.876	649.742.234
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.819.418.793	1.967.458.240
Chi phí nhân viên	1.663.273.540	1.700.894.023
Chi phí bảo hành	13.160.253	102.793.035
Chi phí bằng tiền khác	142.985.000	163.771.182
Cộng	8.979.000.073	8.291.990.843

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.006.463.561	156.943.428.077
Chi phí nhân công	22.477.888.492	21.105.574.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.295.189.431	2.192.814.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.022.694.235	11.914.995.629
Chi phí khác bằng tiền	2.086.860.836	1.745.487.681
Cộng	238.889.096.555	193.902.300.199

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	301.351.826.344	199.255.082.838
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	300.410.056.492	197.771.751.651
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	941.769.852	1.483.331.187
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	286.330.586.339	187.565.353.761
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	286.035.215.538	187.458.622.810
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	295.370.801	106.730.951
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14.374.840.954	10.313.128.841
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.874.968.191	2.268.888.345

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.146.271.814	9.420.840.732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.146.271.814	9.420.840.732
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.699,17	4.710,42

(*): Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ Khen thưởng phúc lợi cho năm 2016.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Lãi vay nhập gốc:	-	360.994.007
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	420.000.000	7.110.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	7.020.000.000	10.109.145.918

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
 Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung
 Công ty CP Kết cấu thép số 5
 Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Mối quan hệ

Đơn vị góp vốn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng	909.091	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	909.091	-
Mua hàng	-	4.293.781.914
Công ty CP Kết cấu thép số 5	-	4.293.781.914

Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu		2.832.840.865	2.832.840.865
Tài khoản 131		2.778.149.368	2.778.149.368
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam		2.290.034.056	2.290.034.056
Công ty CP Kết cấu thép số 5		488.115.312	488.115.312
Tài khoản 138		54.691.497	54.691.497
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung		45.000.000	45.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư Xây dựng Comess		9.691.497	9.691.497
Các khoản phải trả		13.408.986.649	13.980.984.148
Tài khoản 331		12.508.140.254	13.080.137.753
Công ty CP Kết cấu thép số 5		-	571.997.499
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên		4.022.522.443	4.022.522.443
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam		8.485.617.811	8.485.617.811

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tài khoản 338

Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess

900.846.395

900.846.395

900.846.395

900.846.395

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG**Người lập****Kế toán trưởng**



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

